

Bảo đảm quyền của người đồng tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay

Ensuring rights for homosexual under Vietnamese law

Dương Đức Chính, Lương Thị Bích Ngân, Nguyễn Thị Kim Tiên*
Duong Duc Chinh, Luong Thi Bich Ngan, Nguyen Thi Kim Tien

*Khoa Luật, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam
School of law, Duy Tan University, Da Nang, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 13/01/2020, ngày phản biện xong: 07/02/2020, ngày chấp nhận đăng: 20/02/2020)

Tóm tắt

Bài báo phân tích các quy định của pháp luật để làm rõ thực trạng quyền của người đồng tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp pháp lý nhằm đảm bảo quyền của người đồng tính được bảo vệ, thực thi.

Từ khóa: Người đồng tính, quyền của người đồng tính, bảo đảm quyền của người đồng tính.

Abstract

The article analyzes the current situation of homosexual rights under Vietnamese law to offer legal solutions to ensure that homosexual rights are protected and enforced.

Keywords: Homosexual, homosexual rights, ensure homosexual rights.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, xã hội đã cởi mở hơn với những người đồng tính (là người có xu hướng tính dục đồng tính [8]) nhưng thực tế họ vẫn còn chịu đựng sự thiệt thòi, sự kì thị, đối xử bất công trong các quan hệ xã hội. Tại Việt Nam, quá trình xây dựng, bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người nói chung và quyền của người đồng tính nói riêng được thể hiện bằng việc tham gia các Công ước quốc tế và được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật như Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động, luật Hôn nhân và gia đình... Tuy nhiên, sự ghi nhận này vẫn không thể đảm bảo được hết các quyền

của những người đồng tính. Thực tiễn những năm gần đây cho thấy các nhu cầu về mong muốn kết hôn giữa những người cùng giới tính, tình trạng phân biệt đối xử còn phổ biến, các quan hệ mới phát sinh về việc nuôi con nuôi, con sinh ra trong thời kỳ sống chung cũng cần phải được điều chỉnh. Vì vậy, việc xây dựng cơ sở pháp lý là vô cùng quan trọng và cần thiết nhằm đảm bảo và thực thi các quyền của người đồng tính.

2. Quyền của người đồng tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, vẫn còn tình trạng kì thị, phân biệt đối xử đối với người đồng tính trong đời sống chính trị, văn hóa, kinh tế, dân sự.

Người đồng tính hiện nay vẫn phải chịu đựng sự kỳ thị. Kỳ thị đối với người đồng tính không chỉ đến từ cộng đồng, các dịch vụ công cộng, mà còn xảy ra tại trường học hay chính từ gia đình những người đồng tính. Các hành vi bạo hành gia đình xảy ra chủ yếu đối với người đồng tính khi họ công khai xu hướng tính dục của mình. Bạo lực gia đình không phải chỉ là hành vi ngược đãi, đánh đập mà còn là hành vi bạo lực từ lời nói (như miệt thị, lăng mạ những người đồng tính). Nhiều người đồng tính không công khai xu hướng tính dục của mình vì sợ gia đình không chấp nhận mình là người đồng tính và cho rằng đồng tính là bệnh, là trào lưu, là sự đua đòi nhất thời. Nên đã xảy ra các trường hợp cha hiếp con để chữa đồng tính, mẹ thuê người hiếp con vì nghĩ rằng đồng tính có thể chữa được [4], hoặc cha mẹ bắt giam, nhốt, đánh đập con cái vì phát hiện ra con mình “bị” đồng tính. Không chỉ gia đình không chấp nhận, những người đồng tính còn bị sự xa lánh của bạn bè trong môi trường giáo dục.

Việc kỳ thị với người đồng tính còn diễn ra trong môi trường làm việc. Tình trạng phân biệt về xu hướng tính dục của người lao động với nhau và của người sử dụng lao động và người lao động về vấn đề thăng tiến, thu nhập, vị trí việc làm vẫn đang diễn ra [5]. Hiện nay chưa có luật chống phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục cũng như đưa hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục là hình thức kỷ luật lao động bị cấm trong BLLĐ (Bộ luật Lao động). Do đó cần phải có một cơ chế, chính sách trong việc bảo vệ người đồng tính khỏi sự phân biệt đối xử trong đời sống dân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa. Trong khảo sát về “*Có phải vì tôi là LGBT? Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*” [7], khi hỏi về mong muốn ban hành một luật phòng chống phân biệt đối xử, nghiêm cấm phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới thì có đến 87.5% những người được khảo sát đồng ý và cho rằng việc ban hành sẽ khiến người LGBT (người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển

giới) được bảo vệ tốt hơn. Và hầu hết mọi người tin rằng với sự cải thiện trong quan điểm xã hội cùng với sự thay đổi thể chế, có thể luật sẽ đảm bảo hiệu quả trên thực tế.

Thứ hai, nhận thức về người đồng tính và quyền của người đồng tính còn mang tính sai lệch và hạn chế.

Trong cuộc khảo sát “*Có phải bởi vì tôi là LGBT, phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*” thực hiện vào năm 2015, chỉ có 3.7% trong 2.362 người đồng tính tham gia khảo sát biết ở Việt Nam nghiêm cấm các hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục. Có đến ba phần tư những người thuộc cộng đồng LGBT không biết sử dụng quy định nào của pháp luật để bảo vệ mình khi bị phân biệt đối xử, số còn lại có câu trả lời là Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự, Luật Bình đẳng giới, Luật nuôi con nuôi, Luật Chống phân biệt đối xử. Trong khi đó, cứ ba người được hỏi thì có một người biết đến các tổ chức hỗ trợ người bị phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới như ICS, iSEE, PFLAG, Vietpride, 6+, CSAGA, CCIHP, Hà Nội Queer, CECHEM, Liên Hợp Quốc. Tỷ lệ này khá thấp vì vấn đề kì thị phân biệt đối xử liên quan trực tiếp đến người đồng tính, tuy nhiên bản thân người đồng tính cũng chưa nắm rõ các quy định của pháp luật để bảo vệ các quyền của mình khi có hành vi xâm hại. Do đó không chỉ riêng xã hội mà trước tiên, người đồng tính phải là những người tiên phong trong việc thay đổi nhận thức cộng đồng cũng như đấu tranh và bảo vệ các quyền của mình và những người LGBT.

Một trong những vấn đề đáng lo ngại là nhận thức của đa số công chúng chưa chính xác về người đồng tính. Nguyên nhân dẫn đến nhận thức sai lệch về người đồng tính là do không được tiếp cận với các nguồn thông tin khoa học một cách chính xác nên không hiểu rõ một cách đúng đắn về người đồng tính và xu hướng tính dục. Trong “*Báo cáo nghiên cứu Thái độ của xã hội với*

người đồng tính” của Viện ISEE năm 2012 về hiểu biết của xã hội về đồng tính ở Hà Nội, Hà Nam, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh An Giang, có đến 48% những người được hỏi cho rằng đồng tính có thể chữa được, 57% cho rằng đồng tính là trào lưu xã hội và 58% cho rằng sẽ không cho con chơi với người đồng tính. Báo cáo cho thấy phần nào sự hạn chế trong nhận thức của công chúng về người đồng tính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử và kỳ thị đối với người đồng tính.

Thứ ba, pháp luật chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người đồng tính về các quan hệ hôn nhân gia đình.

Thực tiễn thi hành các quyền về hôn nhân gia đình còn gặp nhiều khó khăn trong thời gian qua do những vướng mắc từ các quy định của pháp luật, các quan hệ phát sinh chưa được điều chỉnh. Nhu cầu chung sống lâu dài và kết hôn giữa những người cùng giới tính là không thể phủ nhận, việc các cặp đôi đồng tính sống chung ngày càng phổ biến và hoàn toàn không phải là trào lưu theo xu thế xã hội.

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đã bỏ quy định “*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*” nhưng vẫn “*không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*”. Trên cơ sở này, những người đồng tính đã tổ chức đám cưới, sống chung với nhau. Tuy nhiên các vấn đề phát sinh về tài sản, nuôi con nuôi, con sinh ra trong thời kỳ sống chung hay bạo lực gia đình và các tranh chấp khác trong thời kỳ sống chung không thể áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đó, nếu có tranh chấp xảy ra sẽ áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết.

3. Bảo đảm quyền của người đồng tính ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ các quyền tự do, bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của người đồng tính.

Thời gian qua, Việt Nam đã không ngừng thúc đẩy quyền bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử theo Luật Bình đẳng giới và Công ước CEDAW. Điều 14, Hiến pháp 2013 có quy định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”, tuy nhiên quyền con người, quyền công dân có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Đây có thể là một trong những lý do khiến các quyền của người đồng tính bị hạn chế được thực thi trong thực tiễn do các yếu tố đạo đức xã hội. Tuy nhiên sự hạn chế này nhằm mục tiêu bảo vệ lợi ích chung cho các thành viên trong xã hội không vì mục đích nhằm hạn chế quyền của một nhóm người hay cá nhân nào đó trong xã hội. Do đó, người đồng tính cũng cần được đối xử công bằng, được công nhận, tôn trọng và được đảm bảo các quyền theo Hiến pháp và pháp luật. Việt Nam đã có Luật Bình đẳng giới, tuy nhiên chưa có sự ghi nhận về việc chống phân biệt đối xử, kỳ thị dựa vào bản dạng giới và xu hướng tính dục, chống phân biệt đối xử với người cùng giới tính. Vì vậy, pháp luật cũng cần quy định xu hướng tính dục, bản dạng giới làm cơ sở để tránh sự phân biệt đối xử, không chỉ là phân biệt đối xử dựa vào giới tính nam hay nữ. Đối với nhiều quốc gia trên thế giới, xu hướng tính dục, bản dạng giới đã được pháp điển hóa trong các quy định của luật. Nhưng bên cạnh đó, nhiều quốc gia vẫn còn tình trạng cực đoan như cấm các hiện tượng đồng tính hay hình sự hóa đối với những người đồng tính.

Khoản 1, Điều 8 BLLĐ nghiêm cấm “*Phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, nhiễm HIV, khuyết tật hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn*”. Đây là cơ sở để áp dụng các biện pháp xử lý đối với người sử dụng lao động và những người lao động

với nhau khi có hành vi phân biệt đối xử xảy ra trong môi trường lao động. Tuy nhiên, điều luật này không nghiêm cấm các hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới, thể hiện giới, là những khía cạnh liên quan trực tiếp đến người lao động đồng tính và là một trong những lý do khiến người đồng tính bị kì thị nhiều nhất hiện nay. Do đó, chưa có cơ sở pháp lý để người lao động đồng tính có thể bảo vệ mình trước sự kỳ thị, phân biệt đối xử trong môi trường lao động. Vậy nên, tác giả kiến nghị sửa đổi, đưa nội dung liên quan đến xu hướng tính dục vào nội dung của BLLĐ. Đó là đưa hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới vào Nội quy lao động, làm căn cứ để áp dụng kỷ luật lao động nếu có hành vi vi phạm xảy ra, đồng thời quy định như trên sẽ tác động vào ý thức người lao động, người sử dụng lao động tôn trọng sự đa dạng, tạo môi trường lao động bình đẳng, văn minh. Do đó, một lần nữa tác giả đề xuất đưa các hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới thành hành vi vi phạm kỷ luật lao động trong Nội quy lao động. Một số quốc gia hiện nay tôn trọng sự đa dạng và đặc biệt quan tâm đến vấn đề phân biệt đối xử đối với người LGBT nói chung dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới bằng cách ban hành các luật liên quan đến lĩnh vực này như: Luật Bình đẳng giới và xu hướng tính dục (Thái Lan), Luật chống phân biệt đối xử (Châu Âu), Chỉ thị 2000/78 của EU về chống phân biệt đối xử tại công sở, Luật phòng chống phân biệt đối xử với cộng đồng LGBT (Nhật Bản)... Không thể phủ nhận nỗ lực của Việt Nam trong việc đảm bảo các quyền của cộng đồng LGBT bằng những cam kết về việc bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT tại các Công ước quốc tế cũng như các diễn đàn đối thoại khu vực. Tháng 6/2014, trong Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát (“UPR”) lần hai của Việt Nam tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã chấp nhận khuyến nghị của Chi-lê về việc xây dựng một đạo luật chống phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và

bản dạng giới (A/HRC/26/6, đoạn số 143.88). Cùng với Chi-lê, Na Uy cũng khuyến nghị Việt Nam cần quy định rõ “Xu hướng tính dục” và “bản dạng giới” là các nền tảng phân biệt đối xử bị cấm trong Bộ luật Lao động và các luật liên quan. Trên cơ sở đó, BLLĐ Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của các nước để xây dựng Bộ luật Lao động tốt hơn bằng cách nội luật hóa các chính sách chống phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới một cách trực tiếp trong BLLĐ và các luật có liên quan, hoặc xây dựng một luật chống phân biệt đối xử nhằm giảm sự kỳ thị và tạo môi trường lao động bình đẳng cho người lao động để bảo vệ người đồng tính nói riêng và tất cả mọi người nói chung khỏi những hành vi phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới cho người đồng tính và cộng đồng LGBT.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân gia đình.

Các nhà làm luật đã thể hiện quan điểm tích cực trong việc bãi bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới, đồng thời chính thức thừa nhận quyền chuyển đổi giới tính tại Việt Nam (được quy định tại Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực vào ngày 1/1/2017). Qua việc phân tích lý luận cũng như thực trạng người đồng tính, tác giả nhận thấy việc hợp pháp hóa quan hệ sống chung của những người đồng tính là vô cùng cần thiết để giải quyết các thực trạng về nhu cầu của gần 2,8 triệu người đồng tính ở Việt Nam hiện nay [6]. Đồng thời, việc người đồng tính sống chung không được thừa nhận, không có bất kỳ sự ràng buộc nào trong các mối quan hệ của người đồng tính dẫn đến nhiều hệ lụy xấu. Do đó, cho phép kết hôn giữa những người cùng giới tính hoặc thừa nhận hình thức sống chung có đăng kí sẽ có sự ràng buộc, làm cho người đồng tính sống có trách nhiệm hơn với chính bản thân và bạn đời của mình, có trách nhiệm hơn với gia đình và toàn xã hội. Đồng thời, quan niệm truyền thống về hôn nhân ở nước ta còn nặng nề, đặc biệt về

vấn đề duy trì nòi giống. Vì vậy, việc thay đổi nhận thức hôn nhân truyền thống trong khoảng thời gian ngắn sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là sự phản đối từ dư luận. Do đó, trước mắt tác giả kiến nghị nên xem xét thừa nhận hình thức sống chung có đăng ký. Đây không chỉ là bước gọi mở mà còn là cách để đánh giá tình hình sống chung có đăng ký trước khi đi đến hợp pháp hóa hôn nhân của những người đồng tính. Nhiều quốc gia đã thừa nhận hình thức sống chung có đăng ký cho các cặp đôi đồng tính và bước đầu đã có những thành công nhất định trước khi hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính như các cặp đôi dị tính khác. Phải chăng Việt Nam nên học hỏi và vận dụng phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của người đồng tính.

Trong trường hợp thừa nhận hình thức sống chung có đăng ký của các cặp đôi đồng tính, tác giả cũng đề xuất nên đồng thời quy định cụ thể về việc cho phép nhận nuôi con nuôi, xác định con sinh ra bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm trong thời gian sống chung, vấn đề quyền sở hữu tài sản trong thời kì sống chung, giải quyết tài sản sau khi chấm dứt việc sống chung, quyền thừa kế, vấn đề tặng cho tài sản của các cặp đôi và quyền yêu cầu tòa án chấm dứt việc sống chung được áp dụng theo Luật Hôn nhân và gia đình và quy định của Bộ luật Dân sự. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tiễn của người đồng tính, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, tự do theo pháp luật Việt Nam, giúp người đồng tính có hạnh phúc đúng nghĩa và chịu trách nhiệm trước các hành vi của mình.

Thứ ba, gấp rút ban hành, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều trong quy định của pháp luật hình sự.

Cần nhanh chóng ban hành Nghị quyết của Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành hành các Điều 141 về tội Hiếp dâm, Điều 142 về tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi, Điều 143 về tội Cưỡng dâm, Điều 144 về tội Cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, Điều 145 về tội

Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại Bộ luật Hình sự (BLHS) 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để có cơ sở pháp lý bảo vệ người đồng tính khỏi các tội phạm liên quan đến tình dục. Tuy nhiên, trong nghị quyết hướng dẫn này chưa thực sự đầy đủ làm căn cứ cho việc áp dụng các quy định của BLHS trong việc xét xử các tội phạm liên quan đến tình dục. Hành vi giao cấu được giải thích trong Nghị quyết này “là hành vi xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào”, đồng nghĩa hành vi “giao cấu” trong các tội phạm liên quan đến tình dục của BLHS chỉ áp dụng cho người phạm tội là nam giới và nữ giới. Đối với những hành vi quan hệ tình dục đồng tính (không chỉ xảy ra giữa những người đồng tính mà có thể xảy ra giữa người đồng tính và người dị tính) không được xem là thực hiện hành vi giao cấu vì bộ phận sinh dục của những người cùng giới tính chỉ có thể “tiếp xúc” bên ngoài mà không thể “đưa vào trong” bộ phận sinh dục của nhau, các hoạt động tình dục tự nhiên thường ngày nhằm thỏa mãn nhu cầu được thực hiện thông qua dương vật và hậu môn (đối với người đồng tính nam) và thông qua tiếp xúc, cọ xát bộ phận sinh dục (đối với người đồng tính nữ). Nên chăng cần phải thay đổi khái niệm giao cấu truyền thống trong nghị quyết này là việc giao cấu giữa nam và nữ thông thường theo quan niệm truyền thống, đảm bảo đúng tính chất hành vi mà chủ thể thực hiện trong các tội phạm tình dục. Theo đó, tác giả kiến nghị hành vi giao cấu được giải thích trong nghị quyết này cần được sửa đổi “là hành vi sử dụng bộ phận sinh dục để xâm nhập vào bộ phận sinh dục hoặc hậu môn của người khác, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào”. Quy định như trên bao quát được cả hành vi người phạm tội bao gồm cả nam và nữ (trong đó chứa đựng các hành vi tình dục đối với những người đồng tính), thể hiện đúng bản chất của hành vi nhằm bảo vệ người đồng tính khỏi các tội phạm tình dục.

4. Kết luận

Hiện nay quyền của cộng đồng LGBT đang dần được vận động pháp điển hóa trong Luật quốc tế. Nhiều phong trào, tổ chức đã phát động các chương trình mang tính chất toàn cầu để vận động cho việc thừa nhận các quyền tự do hôn nhân, quyền nuôi con nuôi, quyền được đối xử công bằng không bị phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Việc bảo vệ và đưa ra các chính sách phù hợp đang là một vấn đề nóng đặc biệt được quan tâm không chỉ là nhiệm vụ của mỗi quốc gia mà là nhiệm vụ chung của toàn thế giới. Thừa nhận các quyền tự nhiên của con người là một điều hiển nhiên vì tất cả mọi người cần được đối xử bình đẳng, công bằng, được thừa nhận và đảm bảo các quyền.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đức Chương, *Thuê thầy cúng, cho người hiệp con để cai đồng tính*, truy cập 28/12/2012; <https://www.nguoiduatin.vn/thue-thay-cung-cho-nguoi-hiep-con-de-cai-dong-tinh-a10509.html>.
- [2] Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2014), *Việt Nam chu kỳ II – Tập hợp Khuyến nghị và trả lời của Việt Nam*, Geneva.
- [3] Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Thành Long, Phạm Thanh Trà (2013), *Sống chung cùng giới: Trải nghiệm thức tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4] P.Thào, *Bạo hành với người đồng tính đến tư gia đình*, truy cập 11/5/2013, <https://dantri.com.vn/suc-khoe/bao-hanh-voi-nguoi-dong-tinh-den-tu-chinh-gia-dinh-1368670270.htm>.
- [5] Trung tâm ICS (2017), *Báo cáo khuyến nghị những nội dung cần sửa đổi đối với Bộ Luật Lao động có liên quan tới quyền và lợi ích của Người lao động là Người đồng tính, Song tính và Chuyển giới tại Việt Nam*, Hà Nội, tháng 5/2017.
- [6] Viện Xã hội học, Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Viện Nghiên cứu xã Hội, Kinh tế và Môi trường (iSSE) (2013), *Báo cáo nghiên cứu Kết quả trung cầu ý kiến người dân về hôn nhân cùng giới*, Hà Nội.
- [7] Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2016), *Có phải vì tôi là LGBT, Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, Tháng 2/2016.
- [8] American Psychological association (2011), *Definition of Terms: Sex, Gender, Gender Identity, Sexual Orientation*.